

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24-5-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Ông Phạm Duy Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 356/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh N; địa chỉ: Số 290 đường N, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trịnh Trung T; địa chỉ: Số 290 đường N, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng. Hiện đang cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm Giáo dục lao động số 2 - thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2017, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2008, chị và anh Trịnh Trung T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam. Nhưng đến ngày 15 tháng 7 năm 2010 chị và anh T mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Quá trình kết hôn, ngay thời gian đầu vợ chồng chung sống đã không có sự chia sẻ vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Sau đó đến năm 2010 chị phát hiện ra anh T nghiện hút chất ma túy đá, cờ bạc từ đó dẫn đến anh thường xuyên chửi bới đe dọa chị, mặc dù chị và gia đình đã tạo điều kiện cho anh T cai nghiện nhiều lần nhưng đến nay không có kết quả. Hiện tại, anh T đang cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục lao động số 2 - thành phố Hải Phòng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Trung T.

Về việc nuôi con: Chị xác nhận giữa chị và anh Trịnh Trung T có hai con chung là Trịnh Minh Phương, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2009 và Trịnh Minh Châu, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2015. Hiện tại anh T đang cai nghiện không có điều kiện cũng như thời gian chăm con. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Thanh N xác nhận chị và anh Trịnh Trung T không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tiến hành ghi lời khai và tại biên bản hòa giải anh Trịnh Trung T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Trung T xác nhận về thời gian kết hôn cũng như quá trình chung sống đúng như chị N trình bày; về nguyên nhân mâu thuẫn thỉnh thoảng vợ chồng có mâu thuẫn. Nhưng từ năm 2010 cho đến nay, do anh nghiện hút chất ma túy đá nên vợ chồng xảy ra va chạm. Năm 2016 anh đã được chị N và gia đình đưa đi cai nghiện, sau khi cai nghiện về vợ chồng lại có thời gian đoàn tụ. Đến giữa năm 2017 anh và chị N lại phát sinh mâu thuẫn, nên chị N đã đưa anh vào Trung tâm Giáo dục lao động số 2 - thành phố Hải Phòng cai nghiện từ đó đến nay. Anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị N làm thủ tục cho anh ra khỏi Trung tâm cai nghiện. Trường hợp chị N không làm thủ tục cho anh ra khỏi Trung tâm cai nghiện thì anh không đồng ý ly hôn.

Về việc nuôi con: Anh Trịnh Trung T xác nhận giữa anh và chị Nguyễn Thị Thanh N có hai con chung là Trịnh Minh Phương, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2009 và Trịnh Minh Châu, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2015. Ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi con Trịnh Minh Châu, chị N nuôi con Trịnh Minh Phương. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Anh Trịnh Trung T và chị Nguyễn Thị Thanh N xác nhận không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình chị N và anh T: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trịnh Trung T, thể hiện: Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trịnh Trung T có mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh T nghiện hút chất ma túy đá từ năm 2010 cho đến nay. Hiện anh T đang cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục lao động số 2 - thành phố Hải Phòng. Gia đình đều xác nhận chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trịnh Trung T có hai con chung là Trịnh Minh Phương, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2009 và Trịnh Minh Châu, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2015. Khi ly hôn Tòa án nên giao con cho chị N nuôi; về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trịnh Trung T không có tài sản chung.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn anh Trịnh Trung T không chấp hành quy định của pháp luật về việc có mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh Trịnh Trung T theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng có quan điểm: Mâu thuẫn của chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trịnh Trung T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh N, xử chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn anh Trịnh Trung T; về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trịnh Trung T có hai con là Trịnh Minh Phương, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2009 và Trịnh Minh Châu, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2015. Do anh T đang cai nghiện không có điều kiện chăm sóc con, nên giao cả hai con là Trịnh Minh Phương và Trịnh Minh Châu cho Nhân trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị

Nguyễn Thị Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là quan hệ pháp luật về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Trịnh Trung T cư trú tại địa bàn quận Ngô Quyền nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án:

[2] Ngày 31 tháng 01 năm 2018, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng thụ lý vụ án; đến ngày 24 tháng 4 năm 2018, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn:

[3] Tòa án đã triệu tập họp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn anh Trịnh Trung T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trịnh Trung T được xác lập từ ngày 15 tháng 7 năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trịnh Trung T có thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, sau đó đến năm 2010 do anh T mắc nghiện chất ma túy đá, từ đó anh không quan tâm đến vợ con và gia đình, chị và gia đình đã tạo điều kiện cho anh T cai nghiện tại nhà và tại các Trung tâm cai nghiện của Hải Phòng, nhưng đến nay không có kết quả mà anh T vẫn tái nghiện. Từ năm 2017 cho đến nay anh T vẫn đang cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục lao

động số 2 - thành phố Hải Phòng. Xét mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trịnh Trung T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh N.

[6] Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trịnh Trung T có hai con là Trịnh Minh Phương, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2009 và Trịnh Minh Châu, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Trịnh Trung T bản thân là người nghiện hút chất ma túy và đang cai nghiện không có điều kiện chăm sóc con, hơn nữa việc nuôi dưỡng, chăm sóc cần sự dạy bảo của chị Nguyễn Thị Thanh N hơn anh Trịnh Trung T. Mặt khác, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt cho con các con, nên giao cả hai con là Trịnh Minh Phương và Trịnh Minh Châu cho chị Nguyễn Thị Thanh N nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Trịnh Trung T đến khi chị Nguyễn Thị Thanh N có yêu cầu.

[7] Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trịnh Trung T đều xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[8] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Thị Thanh N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[9] Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trịnh Trung T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn anh Trịnh Trung T.

2. Về việc nuôi con: Giao cả hai con Trịnh Minh Phương, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2009 và Trịnh Minh Châu, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị Thanh N nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Trịnh Trung T đến khi chị Nguyễn Thị Thanh N có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trịnh Trung T xác nhận không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011943 ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Thanh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Nguyễn Thị Thanh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Trịnh Trung T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền thành phố Hải Phòng (CNKH ngày 15/7/2010);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng